TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tống Văn Tuyên.

2. Ông Lê Văn Ký.

Thư ký phiên tòa*:* Bà Trịnh Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thanh M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 10, tổ 3, khu phố 2, phường LS, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa. có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn KD, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa,

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, trại giam số 5 - thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh M trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường LS, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/01/2013. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị M và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung*:* Chị Nguyễn Thanh M khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Gia B, sinh ngày 21/10/2012, hiện cháu B đang ở với chị. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thanh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2018 bị đơn anh Bùi Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thanh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường LS, thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/01/2013. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Anh H và chị M đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh H không đồng ý .

Về con chung*:* Anh Bùi Văn H khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Gia B, sinh ngày 21/10/2012, hiện cháu B đang ở với chị M. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh M và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh H luôn

tồn tại mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không những không hàn gắn được mà còn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị M và anh H ly hôn là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị M và anh H thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Bùi Gia B, sinh ngày 21/10/2012. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định cháu B là con chung của chị M và anh H. Chị M và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Tuy nhiên, cháu B đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh H lại đang phải chấp hành án phạt tù nên giao cháu B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, cần ghi nhận sự tự nguyện này của chị M.

[4]. Về tài sản: Chị M và anh H không yêu cầu, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh M và anh Bùi Văn H .

2. Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thanh M và anh Bùi Văn H có một con chung, cháu tên là Bùi Gia B, sinh ngày 21/10/2012. Giao cháo Bùi Gia B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000253 ngày 21/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hồng